TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11/9/2018
(V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị L và anh C)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tiến.

2. Bà Phạm Hồng Thiêm.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 177/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2018/QĐST- HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Giang Thị Hương L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm 8-Thôn BT, xã TH, huyện T2, tỉnh Thái Bình (Chị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lưu Đức C, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Xóm 8-Thôn BT, xã TH, huyện T2, tỉnh Thái Bình (Anh C vắng mặt có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Giang Thị Hương L trình bày:

Chị và anh Lưu Đức C, sinh năm 1977, có địa chỉ tại xóm 8-Thôn Bắc Tân, xã Thái Hòa, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 24/01/2006 được Uỷ ban nhân dân xã TH, huyện T2, tỉnh Thái Bình chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau tại gia đình nhà chồng; vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 08 năm (năm 2014) thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C có quan hệ bên ngoài nên không quan tâm đến vợ con;

tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, căng thẳng kéo dài, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Từ năm 2014, anh chị đã sống ly thân, chị L chuyển về nhà ngoại tại xóm 8-Thôn BT, xã TH, huyện T2, tỉnh Thái Bình sinh sống từ đó đến hiện nay. Nay xác định tình cảm không còn, không thể quay về chung sống và đoàn tụ được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu Đức C.

Về con chung, chị L xác định chị và anh Lưu Đức C có 02 con chung là Lưu Kim L1, sinh ngày 29/01/2007 và Lưu Đức B, sinh ngày 21/8/2010, hiện tại con Lưu Đức B đang ở với anh C, con Lưu Kim L1 đang ở với chị L. Khi ly hôn chị L đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con Lưu Kim L1, anh C trực tiếp nuôi con Lưu Đức B, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau (con Lưu Kim L1 có đơn xin được ở với mẹ, con Lưu Đức B có đơn xin được ở với bố).

Về tài sản chung, chị L xác định chị và anh Lưu Đức C không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Ngày 06/8/2018, Tòa án nhân dân huyện T2, tỉnh Thái Bình mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh Lưu Đức C không đến Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2018 tại gia đình anh Lưu Đức C, xóm 8-Thôn BT, xã TH, huyện T2, tỉnh Thái Bình, ông Lưu Đức M, sinh năm 1950, là bố đẻ anh C trình bày:

Anh Lưu Đức C và chị Giang Thị Hương L có tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 24/01/2006 tại Uỷ ban nhân dân xã TH, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Gia đình và anh C đã nhận được các văn bản của Tòa án. Gia đình va anh C đã biết việc chị L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn anh Lưu Đức C. Anh C và chị L xảy ra mâu thuẫn, thông qua gia đình, quan điểm của anh C là đồng ý ly hôn chị L.

Anh C và chị L có 02 con chung là Lưu Kim L1, sinh ngày 29/01/2007 và Lưu Đức B, sinh ngày 21/8/2010, hiện tại con Lưu Đức B đang ở với anh C, con Lưu Kim L1 đang ở với chị L. Anh C thông tin về cho gia đình là nếu ly hôn, anh C có nguyện vọng nuôi con Lưu Đức B và đề nghị Tòa án giao con Lưu Kim L1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi chung cho nhau.

Về tài sản chung, Anh C và chị L không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Anh Lưu Đức C có nguyện vọng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Biên bản lấy lời khai còn có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Văn C, công chức tư pháp xã; chữ ký, chức danh và con dấu của ông Nguyễn Văn L2, Chủ tịch UBND xã TH, huyện T2, tỉnh Thái Bình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T2, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Giang Thị Hương L được ly hôn anh Lưu Đức C. Về con chung, giao con chung Lưu Kim L1, sinh ngày

29/01/2007 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Lưu Đức B, sinh ngày 21/8/2010 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; hai bên có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả giải quyết tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Giang Thị Hương L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lưu Đức C là bị đơn vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lưu Đức C và chị Giang Thị Hương L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Giang Thị Hương L và anh Lưu Đức C kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ yêu cầu giải quyết ly hôn của chị L cung cấp phù hợp với các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án nên xác định: Sau khi kết hôn, chị L và anh C chung sống hòa thuận được khoảng tám năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L nghi ngờ anh C có quan hệ bên ngoài, nên không quan tâm đến vợ con; tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, căng thẳng kéo dài, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Chị L và anh C đã sống ly thân từ năm 2014, chị L chuyển về nhà ngoại sinh sống từ đó đến hiện nay. Chị L có đơn xin ly hôn anh C, Tòa án đã ra thông báo thụ lý, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh C có biết nhưng không đến Tòa án để làm việc, ngày 08/8/2018, Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh C, qua gia đình anh C đồng ý ly hôn chị L và đề nghị xét xử vắng mặt. Như vậy có thể thấy tình cảm vợ chồng của anh Lưu Đức C và chị Giang Thị Hương L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Giang Thị Hương L được ly hôn anh Lưu Đức C.

[3] Về con chung: Chị Giang Thị Hương L và anh Lưu Đức C có 02 con chung là Lưu Kim L1, sinh ngày 29/01/2007 và Lưu Đức B, sinh ngày 21/8/2010, hiện tại con Lưu Đức B đang ở với anh C, con Lưu Kim L1 đang ở với chị L. Khi ly hôn anh C, chị L thống nhất đề nghị Tòa án giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con Lưu Kim L1, anh C trực tiếp nuôi con Lưu Đức B, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau (con Lưu Kim L1 có đơn xin được ở với mẹ, con Lưu Đức B có đơn xin được ở với bố). Anh C, chị L có quyền đi lại, chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Giang Thị Hương L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Giang Thị Hương L được ly hôn anh Lưu Đức C.

2. Về con chung:

Giao con chung Lưu Kim L1, sinh ngày 29/01/2007 cho chị Giang Thị Hương L trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Lưu Đức B, sinh ngày 21/8/2010 cho anh Lưu Đức C trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh C, chị L có quyền đi lại, chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung:

Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Nguyên đơn là chị Giang Thị Hương L phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí chị L đã nộp theo Biên lai số 0001495 ngày 11/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T2, tỉnh Thái Bình. Chị Giang Thị Hương L đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn là chị Giang Thị Hương L; bị đơn là anh Lưu Đức C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T2;
- Chi cục THADS huyện T2;
- UBND xã TH;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền